TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2017
V/v "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN –TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Kim Thu.

2. Ông Hà Minh Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Minh Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2017 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc H, sinh năm 1982 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Chí H, sinh năm 1982 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2016, nguyên đơn chị Lê Ngọc H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Chí H chung sống với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/5/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cải, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt ,dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ đó, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, nên vợ chồng đã ly thân nhau gần 13 năm nay.

Về quan hệ con chung: Chị H xác định có một người con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/9/2003, hiện đang sống chung với anh H ở ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Về tài sản chung: Chị H xác định là vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị H xác định là vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ lại vợ chồng.

Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Chí H.

Về quan hệ con chung: Chị H đồng ý giao con tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/9/2003 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Chí H: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H vắng mặt nên không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Ngọc H. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Ngọc H ly hôn với anh Nguyễn Văn Chí H; Về con chung: Giao con tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/9/2003 cho anh H nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Tuấn A), chị H

không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn anh Nguyễn Văn Chí H cư trú ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về trình tụ thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật thì anh Nguyễn Văn Chí H vắng mặt không có lý do mặt dù Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn Chí H theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chị Lê Ngọc H yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Chí H theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Chí H.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Ngọc H cho rằng, chị H và anh Nguyễn Văn Chí H chung sống với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/5/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cải, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân nhau gần 13 năm nay. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, do đó chị H cương quyết xin được ly hôn với anh H.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Chí H, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Toà án tài liệu, chứng minh sự phản đối đó". Bị đơn anh Nguyễn Văn Chí H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyên Văn Chí H không

có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Ngọc H cũng như chứng cứ do chị H cung cấp.

Xét về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Lê Ngọc H và anh Nguyễn Văn Chí H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/5/2009 theo quy tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị Lê Ngọc H và anh Nguyễn Văn Chí H là hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân của chị H và anh H: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh H. Qua kết quả xác minh cho thấy giữa vợ chồng chị H và anh H không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng do từ khi ly thân gần 13 năm nay giữa anh chị không thể tự hàn gắn đoàn tụ. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện cho vợ chồng chị H và anh H hòa giải với nhau nhưng anh H đã cố tình vắng mặt không lý do nên không thể hòa giải được.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị H cương quyết ly hôn với anh H. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những căn cứ trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Ngọc H đối với anh Nguyễn Văn Chí H.

Về quan hệ con chung: Chị H xác định có một người con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/9/2003, hiện đang sống chung với anh H ở ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang và phát triển bình thường. Chị H đồng ý giao con tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/9/2003 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại người con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/9/2003 hiện đang sống chung với anh H và đang phát triển bình thường. Do đó trong thảo luận nghị án, hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao người con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/9/2003 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu, cũng là phù hợp theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Tuấn A.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004007 ngày 22/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là có cơ sở chấp nhận như đã nhận định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 145, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Ngọc H đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Chí H.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Chí H

2- Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/9/2003 cho anh Nguyễn Văn Chí H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Tuấn A), chị Lê Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Ngọc H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Khi cần thiết chị Lê Ngọc H và anh Nguyễn Văn Chí H có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Ngọc H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4- Về án phí: Chị Lê Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004007 ngày 22/02/2017 tại Chi cục

thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị Lê Ngọc H đã nộp đủ tiền án phí của vụ án.

5- Quyền kháng cáo: Chị Lê Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Chí H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UNBD xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Đảo